

Bản án số: 241/2024/HNGĐ-ST
Ngày 09 – 9 – 2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM ĐƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Càn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Công Đoàn.

Ông Nguyễn Hoài Phong.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Kim Thia là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Dơi tham gia phiên tòa: Bà Ngô Trà My – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 06 và 09 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 212/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2024 về việc “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 245/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trịnh Văn T, sinh năm 1973. Địa chỉ cư trú: Ấp T1, xã T2, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Hoàng Hảo – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Bị đơn: Bà Lê Thị X, sinh năm 1974. Địa chỉ cư trú: Ấp T3, xã T4, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh huyện Đam Dơi. Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn Đam Dơi, huyện Đam Dơi, tỉnh Cà Mau.

Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng: Ông Hồ Thanh G – Phó Phòng khách hàng cá nhân – văn bản ủy quyền ngày 27/5/2024 (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện của ông Trịnh Văn T, thể hiện:

Về hôn nhân: Ông Trịnh Văn T và bà Lê Thị X chung sống với nhau vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T2, huyện Đ, tỉnh Cà Mau; khi về chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, bản thân ông T bị tật nguyên phải đi lại bằng xe lăn nhưng bà X không quan tâm, chăm sóc mà bỏ đi về gia đình của bà X sinh sống từ năm 2016 cho đến nay. Từ nguyên nhân trên, ông T xác định không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu ly hôn với bà X.

Về con chung: Có 01 người con tên Trịnh Thành Đ, sinh năm 2002 hiện đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Là phần đất có diện tích 15.000m² tại ấp T1, xã T2, huyện Đ do ông T đứng tên, phần đất có nguồn gốc từ cha, mẹ của ông T cho. Khi nộp đơn khởi kiện, ông T yêu cầu phân chia phần đất theo tỷ lệ ông T 7 phần, bà X 3 phần. Quá trình giải quyết vụ án, ông T xin rút lại yêu cầu phân chia tài sản và không yêu cầu gì trong vụ án này.

Về nợ người khác: Quá trình chung sống ông T, bà X có thiếu một số khoản nợ, gồm: Agribank Đầm Dơi 81.600.000 đồng, bà Trịnh Thu S 67.000.000 đồng, bà Trịnh Thị H 1,5 chỉ vàng 24k, chị Dương Thùy N 26.000.000 đồng, chị Huỳnh Thùy Tr 21.000.000 đồng. Khi ly hôn ông T yêu cầu mỗi người có trách nhiệm trả ½ số nợ nêu trên.

* *Đối với bà Lê Thị X*: Mặc dù đã được tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng bà X không có ý kiến gì về các nội dung khởi kiện của ông T và của Agribank Đầm Dơi.

* *Theo đơn khởi kiện yêu cầu độc lập của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh huyện Đầm Dơi (Agribank Đầm Dơi) và bản tự khai của ông Hồ Thanh G, thể hiện*: Trên cơ sở văn bản ủy quyền của ông T, ngày 16/01/2023 bà Lê Thị X ký hợp đồng tín dụng số Agribank Đầm Dơi 7506-LAV-202300138/HĐTD vay số tiền 95.000.000 đồng, lãi suất 10.8%/năm; lãi quá hạn 16,2%/năm, hạn mức tín dụng, thời hạn tối đa 36 tháng; biện pháp đảm bảo: Vay tín chấp, để đảm bảo cho hợp đồng tín dụng nói trên, bà X nộp cho Agribank Đầm Dơi giấy chứng nhận số M 701081 diện tích 15.000m². Do ông T xin ly hôn với bà X sẽ ảnh hưởng đến khoản vay tại Agribank Đầm Dơi nên Agribank Đầm Dơi yêu cầu ông T, bà X phải trả tổng số tiền vốn, lãi đến ngày 06/9/2024 là 77.997.200 đồng (trong đó, vốn 76.000.000 đồng, lãi 1.997.200 đồng) và lãi phát sinh cho đến ngày tất toán. Trường hợp ông T, bà X không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Agribank Đầm Dơi yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ. Trường hợp tài sản đảm bảo không đủ thì Agribank Đầm Dơi có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý các tài sản khác để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, ông Trần Hoàng Hảo đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Văn T. Cho ông T được ly hôn với bà Lê Thị X; buộc ông T, bà X có nghĩa vụ liên đới trả khoản nợ của Agribank Đầm Dơi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời

điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự nên không có kiến nghị và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Án lệ số 08/2016/AL; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Văn T, cho ông T ly hôn với bà Lê Thị X.

Về con chung: Đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án xem xét.

Đình chỉ yêu cầu của ông T về việc yêu cầu chia tài sản chung là phần đất có diện tích 15.000m² do ông T đứng tên quyền sử dụng.

Chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng, buộc Ông T trả cho ngân hàng 38.998.600 đồng, buộc bà X trả cho Ngân hàng 38.998.600 đồng (tạm tính đến ngày 06/9/2024) và lãi suất tiếp theo của ngày xét xử cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Buộc Ngân hàng trả lại cho ông T, bà X giấy CNQSD đất số M701081 diện tích 15.000m² do ông T đứng tên. Trường hợp Bản án có hiệu lực pháp luật, ông T, bà X không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án.

Án phí dân sự sơ thẩm và án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Trịnh Thu S, bà Trịnh Thị H, chị Dương Thùy Nh và chị Huỳnh Thùy Tr không khởi kiện yêu cầu độc lập nên Tòa án không triệu tập tham gia với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ có liên quan khi giải quyết vụ án là phù hợp.

[2] Ông Trịnh Văn T và đại diện Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh huyện Đầm Dơi (Agribank Đầm Dơi) có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà Lê Thị X đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

[3] Ông Trịnh Văn T và bà Lê Thị X chung sống với nhau vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T2, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. Theo ông T, khi về chung sống phát sinh mâu thuẫn, bản thân ông T bị tật nguyền phải đi lại bằng xe lăn nhưng bà X không quan tâm, chăm sóc mà bỏ đi về gia đình của bà X sinh sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay; từ nguyên nhân trên, ông T xác định không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu được ly hôn với bà X. Bà X không có ý kiến gì về thời gian chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn và yêu cầu xin ly hôn của ông T.

Xét yêu cầu của ông T, thấy rằng: Hôn nhân của ông T và bà X có đăng ký kết hôn hợp pháp nên được pháp luật tôn trọng và bảo vệ; tuy nhiên, ông T yêu cầu

xin ly hôn nhưng qua các lần triệu tập hòa giải, xét xử bà X đều vắng mặt, thể hiện việc bà X không có thiện chí hòa giải, hàn gắn; điều đó cho thấy tình trạng hôn nhân của các đương sự đã thực sự trầm trọng và không thể hàn gắn nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho ông T ly hôn với bà X là phù hợp.

[4] Về con chung đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án, ông T rút lại yêu cầu phân chia tài sản đối với diện tích 15.000m² tại ấp T1, xã T2, huyện Đ do ông T đứng tên. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông T là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận theo khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Khi nộp đơn yêu cầu độc lập, Agribank Đầm Dơi cung cấp hợp đồng tín dụng số 7506 LAV-202300138 ngày 16/01/2023, báo cáo đề xuất cho vay, phương án sử dụng vốn; khoản vay không có bảo đảm bằng tài sản nhưng phải nộp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số M701081 có diện tích 15.000m² để đảm bảo hạn mức cho vay số tiền 150.000.000 đồng. Tính đến ngày 06/9/2024 là 77.997.200 đồng (trong đó, vốn 76.000.000 đồng, lãi 1.997.200 đồng). Ông T thừa nhận, bà X không có ý kiến phản đối về các nội dung này nên đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo khoản 1 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7] Hợp đồng tín dụng có nội dung thỏa thuận phù hợp với các điều 288, 299, 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 98 Luật Tổ chức tín dụng. Do ông T yêu cầu xin ly hôn với bà X trong khi không trả khoản vốn, lãi cho Agribank Đầm Dơi là vi phạm nghĩa vụ theo nội dung hợp đồng đã ký kết nên Agribank Đầm Dơi khởi kiện yêu cầu ông T, bà X phải liên đới trả số tiền vốn, lãi đến ngày 06/9/2024 là 77.997.200 đồng là có cơ sở nên được chấp nhận.

Do Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông T với bà X nên buộc các đương sự phải có trách nhiệm liên đới trả theo phần và mỗi người phải trả ½ số nợ của Agribank Đầm Dơi với số tiền 38.998.600 đồng (vốn 38.000.000 đồng, lãi 998.600 đồng) là phù hợp.

[8] Xét yêu cầu trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 07/9/2024 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ của Agribank Đầm Dơi, thấy rằng: Yêu cầu này phù hợp với Án lệ số 08/2016/AL được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao nên được chấp nhận.

[9] Xét yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm của Agribank Đầm Dơi khi ông T, bà X không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ, thấy rằng: Theo hợp đồng tín dụng thì khoản vay của ông T, bà X không có bảo đảm bằng tài sản nhưng phải nộp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M701081 diện tích 15.000m² do ông T đứng tên. Do vậy, đây là yêu cầu sau khi bản án có hiệu lực sẽ thuộc thẩm quyền của Cơ quan Thi hành án dân sự và Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[10] Về các khoản nợ của bà Trịnh Thu Sang, bà Trịnh Thị Hiền, chị Dương Thùy Nhung và chị Huỳnh Thùy Trang: Do các đương sự không khởi kiện yêu cầu độc lập nên không đặt ra xem xét trong vụ án này, trường hợp có phát sinh tranh chấp sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[11] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 12 và 14, khoản 6 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông T được miễn toàn bộ án phí hôn nhân gia đình và án phí dân sự sơ thẩm (do ông T là người khuyết tật, có đơn xin miễn án phí); bà X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: $38.998.600 \text{ đồng} \times 5\% = 1.949.930 \text{ đồng}$.

[12] Chi phí xem xét tại chỗ: Ông T, bà X phải chịu theo quy định của pháp luật.

[13] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 92, khoản 4 Điều 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 244 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 và Điều 60 của Luật Hôn nhân và Gia đình; các điều 288, 299, 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 98 Luật Tổ chức tín dụng; Án lệ số 08/2016/AL được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; các điều 12 và 14, khoản 6 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Trịnh Văn T. Cho ông T được ly hôn với bà Lê Thị X.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Văn T về việc phân chia tài sản đối với diện tích 15.000m^2 tại ấp T1, xã T2, huyện Đ do ông T đứng tên. Các đương sự có quyền khởi kiện lại yêu cầu này theo quy định của pháp luật.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh Đầm Dơi (Agribank Đầm Dơi).

Buộc ông Trịnh Văn T, bà Lê Thị X liên đới trả cho Agribank Đầm Dơi tổng số tiền vốn, lãi đến ngày 06/9/2024 là 77.997.200 đồng [mỗi người phải trả là 38.998.600 đồng (vốn 38.000.000 đồng, lãi 998.600 đồng)]. Ngoài khoản tiền nợ gốc, lãi vay trong hạn, lãi vay quá hạn mà ông T, bà X phải thanh toán cho Agribank Đầm Dơi theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày 06/9/2024 thì kể từ ngày 07/9/2024 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ

gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất mà ông Bình phải tiếp tục thanh toán cho Agribank Đầm Dơi theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Agribank Đầm Dơi.

Agribank Đầm Dơi có nghĩa vụ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M701081 cho ông T, bà X khi các đương sự hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

4. Về án phí:

- Miễn toàn bộ án phí hôn nhân gia đình và án phí dân sự sơ thẩm đối với ông Trịnh Văn T.

- Án phí dân sự sơ thẩm bà Lê Thị X phải chịu 1.949.930 đồng (một triệu chín trăm bốn mươi chín nghìn chín trăm ba mươi đồng).

- Agribank Đầm Dơi không phải chịu. Agribank Đầm Dơi đã nộp tạm ứng số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) theo biên lai số 0001340 ngày 10/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi được nhận lại.

5. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông T, bà X mỗi người phải chịu 400.000 đồng (bốn trăm nghìn đồng). Ông T, bà X có nghĩa vụ nộp số tiền trên tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi để hoàn trả lại cho Agribank Đầm Dơi.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- UBND xã Tân Duyệt, huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Càn